

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1763/BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2026

V/v xin ý kiến về hồ sơ dự thảo Nghị
quyết của UBTVQH quy định các
nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế
GTGT cho từng địa phương

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH
VÀ HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG VĂN ĐẾN

Số đến: 3411

Ngày đến: 13/02

Kính gửi:

- Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao, Tư pháp, Công thương, Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; thực hiện phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương.

Căn cứ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để có đủ cơ sở tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, kính đề nghị các đoàn ĐBQH, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương, nghiên cứu, có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên và gửi Bộ Tài chính trước ngày **28/02/2026**.

(Các tài liệu kèm theo bao gồm: (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị quyết; (ii) Dự thảo Nghị quyết; (iii) Báo cáo Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; (iv) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết).

Thông tin chi tiết xin liên hệ Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính (điện thoại: 024.22202828 - số máy lẻ 3179).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TC các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (để đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia);
- Cục CNTT&CĐS (để đăng Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, NSNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định
nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng
cho từng địa phương**

Kính gửi: Chính phủ.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: “Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định”, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025); thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) thông qua tại Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025, thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025; Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBTVQH quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho từng địa phương.

Xin kính trình Chính phủ những nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị quyết như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng: “Đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương”¹.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để bảo đảm nền

¹ Trang 225 và 226 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập I.

tài chính quốc gia an toàn, bền vững, yêu cầu "*Rà soát phân cấp NSNN - địa phương theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương*", đề ra mục tiêu thu ngân sách trung ương (NSTW) chiếm 60-65% tổng thu NSNN.

- Kết luận số 93/KL-TW ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của ngân sách địa phương (NSDP); trong đó, Bộ Chính trị đã nhất trí với các nội dung tại Đề án "*đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương*" về việc thực hiện đổi mới phương thức phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; trong đó, đã quy định việc sáp nhập các bộ, ban ngành trung ương; sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính chính cấp xã.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền, lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

b) Cơ sở pháp lý và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền

- Quy định tại điểm 2, khoản 2 Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15 (các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP): "*Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định*".

- Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của UBTVQH: Tại Phụ lục phân công cơ quan trình, cơ quan thẩm tra, dự kiến tiến độ trình các dự án Luật, pháp lệnh, nghị quyết trong chương trình lập pháp năm 2026 giao Chính phủ trình UBTVQH xem xét, thông qua Nghị quyết của UBTVQH về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương trong năm 2026.

- Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ: Tại Phụ lục phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026 giao Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết của UBTVQH về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương trong tháng 03/2026.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Việc phân chia thuế GTGT giữa NSTW và NSDP ở Việt Nam trong thời gian qua thực hiện theo quy định tại Luật NSNN số 83/2015/QH13; theo đó:

Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu là khoản thu NSTW hưởng 100%; thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất, dịch vụ trong nước là khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng địa phương do Quốc hội quyết định, không thay đổi trong suốt thời kỳ ổn định ngân sách. Sau gần 8 năm thực hiện Luật NSNN năm 2015 đã đạt được kết quả tích cực:

Cơ chế phân chia nguồn thu thuế GTGT gắn với nơi sản xuất hàng hóa, dịch vụ, cùng với việc phân chia các khoản thu khác (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập cá nhân) đã bước đầu tạo điều kiện cho các địa phương tự cân đối nguồn thu tại chỗ, giảm phần phải hỗ trợ từ NSTW (Đến năm 2025 có 6/34 địa phương đã tự cân đối được ngân sách); thuế GTGT thu từ hàng nhập khẩu NSTW hưởng 100% đã đóng góp một phần giúp NSTW giữ vai trò chủ đạo và có nguồn thu để thực hiện hoàn thuế GTGT theo quy định. Một số địa phương nơi các doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoặc có cơ sở sản xuất, cơ sở thu thuế GTGT lớn đã thực hiện điều tiết thuế GTGT về NSTW, qua đó cho phép Trung ương có thêm nguồn lực để hỗ trợ các địa phương khó khăn thông qua các khoản bổ sung cân đối hoặc bổ sung có mục tiêu từ NSTW. Cơ chế phân cấp, phân chia nguồn thu ngân sách đã được quy định trong Luật NSNN số 83/2015/QH13, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của UBTVQH thời gian vừa qua, từng bước nâng cao tính công khai, minh bạch, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc: Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất, dịch vụ trong nước là một trong những khoản thu lớn trong tổng thu NSNN (năm 2024 khoảng 316 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,4% tổng thu NSNN; thực hiện năm 2025 khoảng 404 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,3% tổng thu NSNN) và là khoản thu phân chia, nhưng chỉ có 18/63 địa phương² (trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) và 6/34 địa phương³ (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) có phân chia một phần số thu này với NSTW, các địa phương còn lại hưởng 100% số thu, trong khi NSTW đảm bảo toàn bộ nhu cầu chi hoàn thuế GTGT (giai đoạn 2021-2025, số hoàn thuế GTGT chiếm khoảng 25,7% tổng số thu thuế GTGT, NSTW chi hoàn thuế GTGT trung bình khoảng 160 nghìn tỷ đồng/năm).

² Tỷ lệ điều tiết phần NSDP được hưởng theo phân cấp: Thái Nguyên 96%; Hà Nội 32%; Hải Phòng 76%; Quảng Ninh 51%; Hải Dương 98%; Hưng Yên 98%; Vĩnh Phúc 66%; Bắc Ninh 71%; Ninh Bình 89%; Đà Nẵng 83%; Quảng Nam 82%; Quảng Ngãi 93%; Khánh Hòa 90%; TP. Hồ Chí Minh 21%; Đồng Nai 50%; Bình Dương 33%; Bà Rịa – Vũng Tàu 52%; Long An 95%.

³ Tỷ lệ điều tiết phần NSDP được hưởng theo phân cấp: Hà Nội 32%; Hải Phòng 84%; Quảng Ninh 51%; Đà Nẵng 83%; Đồng Nai 59%; TP. Hồ Chí Minh 25%.

Việc phân chia thuế GTGT cho các địa phương căn cứ vào nơi sản xuất là chưa phù hợp do thuế GTGT là thuế gián thu, người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cuối cùng chịu thuế GTGT, nên việc phân chia thuế GTGT phải gắn với sức mua của người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cuối cùng. Nếu tiếp tục phân chia thuế GTGT như quy định hiện hành thì nguồn thu thuế GTGT chủ yếu tập trung vào các tỉnh, thành phố nơi các doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoặc có cơ sở sản xuất lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, trong khi các tỉnh miền núi, Tây Nguyên, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn gần như không có cơ sở sản xuất kinh doanh lớn nên nguồn thu từ thuế GTGT không lớn, trong khi đó người dân tại các địa phương này vẫn tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ do các địa phương khác sản xuất, cung cấp; đồng thời phân chia tổng số thu thuế GTGT giữa NSTW và NSDP (bao gồm cả số hoàn thuế) là chưa phù hợp như đã nêu trên. Việc này sẽ làm gia tăng sự chênh lệch phát triển vùng miền.

2.2. Về xu hướng quốc tế trong việc phân cấp số thu thuế GTGT

Tại hầu hết các quốc gia trên thế giới đều phân chia số thu ròng (sau khi hoàn thuế) từ thuế GTGT đối với các địa phương thay vì phân chia căn cứ vào nơi sản xuất/gốc. Theo đó, các quốc gia này tập trung số thu từ thuế GTGT về trung ương và phân phối lại thuế GTGT ròng (sau hoàn thuế) cho các tỉnh theo phương pháp dựa vào công thức phân chia, ... căn cứ vào dân số của các tỉnh, GDP và/hoặc tiêu dùng trên đầu người, cụ thể:

- Nhật Bản: Phân chia cho các địa phương 29,5% số thu ròng (sau khi hoàn thuế) từ thuế GTGT và phân chia theo chiều ngang trên cơ sở tỷ lệ tiêu dùng của từng địa phương trên tổng tiêu dùng.

- Hàn Quốc: Phân chia cho các địa phương 13,27% tổng thu từ thuế của quốc gia, bao gồm số thu ròng (sau khi hoàn thuế) từ thuế GTGT.

- Trung Quốc: Phân chia cho các địa phương theo tỷ lệ 25% (trước năm 2012), sau đó nâng dần lên mức 26% năm 2012, 29% năm 2013, 32% năm 2014, 33% năm 2015 và 46% từ năm 2016 trở lại đây.

- Đức: Phân chia 49,5% số thu ròng (sau khi hoàn thuế) thuế GTGT cho các địa phương, tỷ lệ cụ thể cho từng địa phương căn cứ theo tiêu chí dân số.

2.3. Thực hiện Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của cơ chế phân chia thuế GTGT hiện hành, khi xây dựng Đề án “đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương”, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã trình Bộ Chính trị về việc đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN, trong đó có việc đổi mới cơ chế phân chia thuế GTGT; Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có

liên quan; trên cơ sở đó, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật NSNN số 89/2025/QH15; tại điểm 2, khoản 2 Điều 36 (các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP) quy định: “Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.”

Như vậy, việc ban hành Nghị quyết của UBTVQH về các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương là cần thiết, có cơ sở chính trị, căn cứ pháp lý và đáp ứng tình hình thực tiễn, yêu cầu về lập, chấp hành dự toán NSNN từ năm ngân sách 2027.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết của UBTVQH nhằm cụ thể hóa thẩm quyền và quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Quan điểm xây dựng

- Bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, định hướng tại dự thảo kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm giai đoạn 2026-2030, tuân thủ quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Kế thừa những mặt tích cực, khắc phục những tồn tại, hạn chế của cơ chế phân cấp quản lý, phân chia thuế GTGT hiện hành, gắn với nhiệm vụ bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

- Việc phân chia thuế GTGT cơ bản đảm bảo đúng bản chất của khoản thu và chỉ phân chia số thu ròng (sau khi hoàn thuế); đồng thời tính đến khả năng tự cân đối cho các địa phương thuộc vùng khó khăn, vùng kinh tế chiến lược và các cực tăng trưởng, giúp bảo đảm công bằng xã hội và tạo điều kiện phát huy vai trò động lực của các trung tâm phát triển; đồng thời, góp phần hoàn thiện cơ chế điều tiết nguồn lực tài chính quốc gia theo hướng hiệu quả, bền vững và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới.

- Tăng cường công khai, minh bạch trong mọi khâu của việc xây dựng chính sách. Việc phân chia thuế GTGT dựa trên những tiêu chí rõ ràng, có khả năng định lượng, đạt được sự đồng thuận cao, góp phần nâng cao niềm tin của các địa phương vào cơ chế phân chia và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; phân công của Thủ tướng Chính phủ tại

Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025; Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ trình Chính phủ kèm theo dự thảo Nghị quyết của UBTVQH ban hành các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương, đã có Văn bản số .../BTC-NSNN ngày .../.../2025 lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng Pháp luật quốc gia và Cổng Thông tin Điện tử của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương, Bộ Tài chính đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, địa phương, ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết của UBTVQH quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương, gửi Bộ Tư pháp để thẩm định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2026, Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt cho phép trình UBTVQH dự thảo Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia 30% thuế GTGT phần ngân sách các địa phương được hưởng cho từng địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Số thuế GTGT dùng để phân chia không bao gồm: Số thuế GTGT được hoàn theo quy định của Luật Thuế GTGT; số thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; số thuế GTGT thu từ các nhà cung cấp nước ngoài; số thuế GTGT thu từ hoạt động xổ số.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là các địa phương).

- Cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác liên quan ngân sách nhà nước.

2. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của UBTVQH gồm 07 Điều, cụ thể:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2: Đối tượng áp dụng.

Điều 3: Nguyên tắc phân chia.

Điều 4: Tiêu chí, định mức phân chia.

Điều 5: Tổ chức thực hiện.

Điều 6: Hiệu lực thi hành.

Điều 7. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Quy định nguyên tắc phân chia thuế GTGT cho từng địa phương

- Việc phân chia thuế GTGT cho từng địa phương phải tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Phân chia cho từng địa phương trong phạm vi 30% tổng số thu thuế GTGT phần ngân sách các địa phương hưởng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này (sau đây gọi tắt là tổng số thu thuế GTGT phần ngân sách các địa phương hưởng).

- Đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất, tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW, tạo sự chủ động cho các cấp chính quyền địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.- Tiêu chí, định mức phân chia cho từng địa phương phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch

3.2. Quy định các tiêu chí, định mức phân chia và công thức xác định số thuế GTGT phân chia cho từng địa phương, cụ thể:

a) Các tiêu chí, định mức phân chia cho từng địa phương dựa trên mức độ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu tiêu dùng cuối cùng sử dụng hàng hóa, dịch vụ của từng địa phương; đồng thời, phân bổ tăng nguồn lực cho các địa phương có mật độ dân số thấp, diện tích rộng; bảo đảm tính ổn định lâu dài.

b) Tiêu chí quy mô dân số: Dân số đến 01 triệu người được 60 điểm; từ 01 triệu người đến 02 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,05 điểm; từ 02 triệu người đến 03 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,04 điểm, trên 03 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,03 điểm.

Lý do:

Dân số là yếu tố phản ánh sức mua của dân cư, mức độ tiêu dùng và nhu cầu cung cấp dịch vụ công trên địa bàn, do đó được lựa chọn là một trong các tiêu chí chủ đạo để phân chia số thu thuế GTGT cho các địa phương. Để bảo đảm tính hợp lý và ưu tiên cho các địa phương có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, thường là các địa phương dân số thấp, mức điểm dân số được thiết kế theo hướng lũy thoái giảm dần, phù hợp với đặc thù chi phí cung cấp dịch vụ công và

khả năng tự cân đối ngân sách của từng nhóm địa phương. Theo đó, các địa phương có dân số đến 01 triệu người được hưởng mức điểm cơ bản là 60 điểm nhằm hỗ trợ những tỉnh có quy mô dân số nhỏ, thường gắn với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi chi phí cố định cho dịch vụ công cao và khả năng huy động nguồn lực còn hạn chế. Từ ngưỡng 01 triệu đến 02 triệu người, tiếp tục đến 03 triệu người và từ 03 triệu người trở lên, hệ số tính điểm được điều chỉnh giảm tương ứng nhằm phản ánh hiệu quả theo quy mô dân số, khi chi phí quản lý mỗi dân số tăng thêm không còn quá lớn, nên việc tăng thêm dân số chỉ phát sinh chi phí bổ sung ở mức thấp hơn, do đó mức điểm tăng thêm tiếp tục giảm.

Đề xuất tiêu chí dân số chiếm khoảng 65% tổng số điểm phân chia, phù hợp với bản chất của thuế GTGT là thuế đánh vào tiêu dùng cuối cùng.

c) Tiêu chí quy mô diện tích tự nhiên: Dưới 3.000 km² được 15 điểm; từ 3.000 km² đến 5.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,03 điểm; từ 5.000 km² đến 10.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,02 điểm; trên 10.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,01 điểm.

Lý do:

Diện tích tự nhiên tuy không gắn trực tiếp với mức độ tiêu dùng nhưng là tiêu chí quan trọng để phản ánh mức độ đóng góp đầu vào cho quá trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ (như như tài nguyên khoáng sản, đất đai, nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc thủy điện, cùng với diện tích đất rừng có vai trò quan trọng đối với bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai, điều hòa môi trường và phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương) và chi phí quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn cao hơn. Đối với các địa phương có diện tích rộng, đặc biệt là địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo thường có điều kiện tự nhiên khó khăn, địa hình phức tạp, khoảng cách giữa các cụm dân cư lớn, giao thông khó khăn dẫn đến chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng, quản lý hành chính, vận hành hệ thống giáo dục, y tế, giao thông và dịch vụ công thiết yếu cao hơn đáng kể so với các địa phương có diện tích nhỏ, địa hình đồng bằng. Do đó, việc đưa tiêu chí diện tích tự nhiên vào công thức phân chia thuế GTGT là cần thiết để phản ánh đầy đủ chi phí thực tế và ưu tiên các địa phương gặp bất lợi về điều kiện tự nhiên.

Theo nguyên tắc đó, mức điểm diện tích được thiết kế theo lũy thoái giảm dần. Đối với các địa phương có diện tích dưới 3.000 km², mức điểm cơ bản là 15 điểm, bảo đảm các tỉnh diện tích nhỏ vẫn có nguồn lực tối thiểu để đáp ứng yêu cầu chi cố định. Từ 3.000 km² đến 5.000 km², 5.000 km² đến 10.000 km², và từ 10.000 km² trở lên, hệ số tính điểm được điều chỉnh giảm tương ứng nhằm phản ánh chi phí quản lý hành chính, giáo dục, y tế, giao thông và dịch vụ công mỗi km² diện tích tăng thêm không còn quá lớn, mức điểm tăng thêm lũy thoái tương ứng để bảo đảm cân đối hợp lý giữa các tỉnh diện tích rất lớn và các tỉnh còn lại.

Đề xuất tiêu chí quy mô diện tích tự nhiên chiếm khoảng 15% tổng số điểm phân chia.

d) Tiêu chí GRDP bình quân đầu người: Dưới 50 triệu đồng/người được 25 điểm; từ 50 triệu đồng/người đến 100 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 2 điểm; từ 100 triệu đồng/người đến 200 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 1,5 điểm; trên 200 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 0,5 điểm.

Lý do:

GRDP bình quân đầu người phản ánh mức thu nhập, sức mua, khả năng tiêu dùng cuối cùng và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương. Các địa phương có GRDP bình quân thấp thường là vùng khó khăn, thu ngân sách hạn chế, sức mua yếu, khả năng huy động nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế; trong khi các địa phương có GRDP bình quân cao có tiềm lực kinh tế mạnh, có khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, có nguồn thu vững chắc, khả năng tự đảm bảo nhu cầu chi lớn hơn. Do đó, việc thiết kế tiêu chí GRDP bình quân đầu người theo hướng điểm số lũy thoái giảm dần khi GRDP tăng là cần thiết để bảo đảm tính công bằng, hướng nguồn lực hỗ trợ tới những địa phương còn khó khăn, phù hợp với mục tiêu điều tiết phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước.

Cụ thể, các địa phương có GRDP bình quân dưới 50 triệu đồng/người được hưởng mức điểm nền là 25 điểm nhằm hỗ trợ trực tiếp cho nhóm tỉnh nghèo, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn có GRDP bình quân đầu người thấp, chi phí quản lý, cung cấp dịch vụ công cao, nguồn thu ngân sách nhỏ, chưa tự cân đối ngân sách. Từ mức 50 đến 100 triệu đồng/người, cứ mỗi 5 triệu đồng tăng thêm được tính 2 điểm, phản ánh sự cải thiện về mức sống nhưng vẫn còn nhiều khó khăn trong cân đối ngân sách. Đối với nhóm từ 100 đến 200 triệu đồng/người, mức tăng điểm giảm xuống còn 1,5 điểm cho mỗi 5 triệu đồng tăng thêm, phù hợp với thực tế rằng các địa phương này đã có năng lực kinh tế khá, hiệu quả cung cấp dịch vụ công cao hơn và nhu cầu hỗ trợ giảm dần. Đối với các địa phương có GRDP bình quân trên 200 triệu đồng/người, mỗi 5 triệu đồng tăng thêm chỉ được tính 0,05 điểm, thể hiện nguyên tắc hỗ trợ tăng thêm giảm dần cho các địa phương có thu nhập cao, năng lực tự cân đối ngân sách lớn và đóng vai trò động lực tăng trưởng của vùng hoặc cả nước.

Đề xuất tiêu chí GRDP bình quân đầu người chiếm khoảng 20% tổng số điểm phân chia.

e) Cơ sở dữ liệu sử dụng làm căn cứ phân chia thuế GTGT: Tiêu chí dân số, diện tích tự nhiên và GRDP bình quân đầu người của các địa phương của năm trước năm xây dựng dự toán ngân sách do Cục Thống kê - Bộ Tài chính công bố. Trong đó, số liệu dân số là dân số trung bình năm; số liệu diện tích tự

nhiên là số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12; số liệu GRDP bình quân đầu người là số liệu của năm trước năm xây dựng dự toán ngân sách.

g) Phương pháp tính số thuế GTGT phân chia cho từng địa phương:

(i) Phạm vi xác định tổng số thu thuế giá GTGT phân chia giữa NSTW và ngân sách các địa phương được hưởng tính theo công thức:

Gọi K là tổng số thu thuế GTGT không bao gồm số thuế GTGT được hoàn theo quy định của Luật Thuế GTGT; số thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; số thuế GTGT thu từ các nhà cung cấp nước ngoài; số thuế GTGT thu từ hoạt động xổ số.

Gọi A là tổng số thu thuế GTGT của cả nước.

Gọi B là số hoàn thuế GTGT của cả nước (Tại thời điểm Quốc hội quyết định dự toán NSNN thì lấy theo số liệu được Quốc hội quyết định, còn các thời điểm khác trong năm thì lấy theo số liệu thực tế tại từng thời điểm).

Gọi C là số thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, nhà cung cấp nước ngoài và hoạt động xổ số của cả nước (nếu có).

$$K = A - B - C$$

(ii) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của 34 địa phương làm căn cứ để phân chia số thu thuế GTGT cho từng địa phương, theo các công thức sau:

- Tổng số điểm của từng địa phương:

+ Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i là X_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí dân số của địa phương thứ i là a_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí diện tích tự nhiên của địa phương thứ i là b_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí GRDP bình quân đầu người của địa phương thứ i là c_i .

$$X_i = a_i + b_i + c_i$$

- Tổng số điểm của 34 địa phương là Y, ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{34} X_i$$

(iii) Gọi Z_i là tỷ lệ phân chia thuế GTGT cho địa phương thứ i (tỷ lệ này cố định trong năm), theo công thức:

$$Z_i = \frac{X_i}{Y} \times 30\%$$

(iv) Số thuế GTGT phân chia cho từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số thuế GTGT phân chia cho địa phương thứ i , ta có:

$$V_i = Z_i \times K$$

3.3. Đánh giá tác động của cơ chế phân chia mới

Việc chuyển sang áp dụng phương án phân chia theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức mới tạo ra sự thay đổi rõ rệt trong cơ cấu phân chia số thu GTGT giữa các địa phương, thể hiện xu hướng điều chỉnh phân chia để phản ánh đúng bản chất kinh tế của sắc thuế; theo đó, không tập trung nguồn thu thuế GTGT tại nơi sản xuất. Thuế GTGT là thuế gián thu, nguồn thu thực tế phát sinh từ hành vi mua sắm và sử dụng hàng hóa, dịch vụ của người dân và tổ chức trên từng địa bàn. Do đó, việc phân chia nguồn thu thuế GTGT theo các tiêu chí dân số, diện tích, GRDP bình quân đầu người giúp nguồn thu phân bổ công bằng hơn, không tập trung nguồn thu tại các đô thị lớn nơi tập trung số lượng lớn doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, trung tâm phân phối, trụ sở kê khai thuế của các tập đoàn mà phân bổ nguồn thu thuế GTGT cho địa bàn nơi diễn ra tiêu dùng cuối cùng (*Hiện nay, các nhóm ngành hàng điện tử, công nghệ như điện thoại di động, linh kiện điện tử, máy tính, laptop; hàng tiêu dùng như bia, nước giải khát, thực phẩm đóng gói, mỹ phẩm, sản phẩm gia dụng; hàng may mặc; dịch vụ phân phối, bán lẻ, thương mại điện tử có hàng hóa, dịch vụ được tiêu thụ trên cả nước, nhưng thuế GTGT được kê khai tại các một số tỉnh, thành phố lớn*).

Theo tính toán, nhiều địa phương thuộc khu vực trung du, miền núi và một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như Điện Biên, Cao Bằng, Lai Châu, Lạng Sơn, Sơn La, Tuyên Quang, Đồng Tháp, Cà Mau... có mức tăng thu GTGT được hưởng từ 0,6 lần đến trên 3 lần so với phân chia như hiện nay (sẽ giảm tương ứng số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP). Việc tăng nguồn thu này sẽ góp phần cải thiện năng lực tài chính của nhóm địa phương còn hạn chế về nguồn thu tại chỗ, tạo dư địa để mở rộng đầu tư phát triển, cải thiện hạ tầng thiết yếu, đảm bảo yêu cầu an sinh xã hội và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng.

Ở chiều ngược lại, phương án phân chia mới dẫn đến điều chuyển số thu GTGT NSDP được hưởng tại một số địa phương nơi tập trung nhà máy sản xuất, trung tâm phân phối hoặc trụ sở kê khai thuế như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hưng Yên, Bắc Ninh, Khánh Hòa, Tây Ninh sang các địa phương theo sức mua của người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cuối cùng... với mức điều chỉnh phổ biến từ 0,3 lần đến 0,6 lần. Tuy nhiên, việc điều chỉnh nguồn thu từ sắc thuế này không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng cân đối ngân sách của các địa phương vì năm 2027 là năm đầu thực hiện xây dựng dự toán NSNN theo quy định tại Luật NSNN số 89/2025/QH15; theo đó, cùng với việc phân chia thuế GTGT theo nguyên tắc, tiêu chí mới, Chính phủ sẽ xây dựng

phương án tỷ lệ cụ thể phân chia từng khoản thu giữa NSTW và NSDP (bao gồm thuế TNDN, TTĐB, BVMT, TNCN), bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW, tỷ lệ được ổn định lâu dài để chủ động NSDP, trình Quốc hội xem xét, quyết định. Theo đó, các địa phương giảm thu từ thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo hướng tăng tỷ lệ điều tiết phần NSDP được hưởng các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP (bao gồm thuế TNDN, TTĐB, BVMT, TNCN) hoặc tăng số bổ sung cân đối từ NSTW, đảm bảo tổng nguồn lực NSDP thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được giữ ổn định hoặc tăng lên theo nguyên tắc công bằng và bền vững.

Về tổng thể, việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân chia số thu thuế GTGT dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu phân bổ giữa NSTW và NSDP theo hướng tăng vai trò điều tiết của NSTW. Với phương án mới, tỷ lệ số thu thuế GTGT NSTW được hưởng dự kiến đạt khoảng 70% tổng thu thuế GTGT, cao hơn đáng kể so với mức 62,3% nếu tiếp tục thực hiện theo phương án như Luật NSNN năm 2015. Sự điều chỉnh này thể hiện định hướng tăng cường vai trò của NSTW trong thực hiện các nhiệm vụ mang tính chiến lược, liên vùng, bảo đảm an ninh – quốc phòng, thực hiện chính sách vĩ mô, điều tiết và hỗ trợ các địa phương còn khó khăn, đồng thời tạo dư địa để triển khai các chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm, trọng điểm.

Đồng thời cơ chế phân chia thuế GTGT được thiết kế theo nguyên tắc chia sẻ lợi ích và rủi ro giữa NSTW và NSDP trên phạm vi cả nước. Theo đó, khi số thu thuế GTGT tăng so với dự toán, NSTW và ngân sách của tất cả các địa phương đều được hưởng phần tăng thu tương ứng theo tỷ lệ phân chia; ngược lại, khi số thu thuế GTGT giảm, NSTW và ngân sách các địa phương cũng cùng chia sẻ phần giảm thu này. Qua đó, cơ chế phân chia theo tiêu chí mới không chỉ bảo đảm công bằng giữa các địa phương mà còn nâng cao hiệu quả điều tiết vĩ mô và tính bền vững của cân đối ngân sách nhà nước trong giai đoạn tới.

Như vậy, tác động của phương án mới không phải làm giảm năng lực tài chính của các địa phương có quy mô thu lớn, mà chủ yếu là tái cơ cấu phân chia nguồn thu giữa các địa phương theo hướng hợp lý hơn, phản ánh chính xác hơn bản chất của nguồn thu và nhu cầu chi, mức độ phát triển của từng địa bàn. Phương án này giúp tăng cường khả năng tự đảm bảo chi của các địa phương khó khăn, trong khi các địa phương động lực vẫn tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng thông qua cơ chế điều tiết và phân bổ lại nguồn lực phù hợp. Tác động này là phù hợp với định hướng hoàn thiện thể chế tài chính – ngân sách trong giai đoạn mới, bảo đảm phân bổ nguồn lực theo nguyên tắc hiệu quả, công bằng và phát triển cân đối vùng miền.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

- Bộ Tài chính sẽ bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (nếu có).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

a) Về dự kiến nguồn tài chính để thi hành Nghị quyết sẽ được cân đối từ các nguồn NSNN, bao gồm NSTW và NSDP, nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Về nguồn nhân lực

Các nội dung ban hành mới tại dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, theo đó không đặt ra các yêu cầu về việc phải bố trí nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện. Các chính sách nêu trên khi Nghị quyết được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy trong tổ chức thi hành Nghị quyết, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

a) Tuyên truyền, phổ biến: Chính phủ xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026-2030, dự toán NSNN hàng năm. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện quán triệt, phổ biến nội dung của Nghị quyết cho các cơ quan, đơn vị cấp dưới bảo đảm cách hiểu thống nhất trong triển khai thực hiện.

b) Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được cân đối, bố trí nguồn kinh phí từ NSNN để thực hiện các quy định trong Nghị quyết.

c) Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết này.

VII. HỒ SƠ DỰ THẢO KÈM THEO TỜ TRÌNH GỒM:

1. Dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí phân chia số thu thuế GTGT cho từng địa phương.

2. Báo cáo Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

3. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

4. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

5. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương (bổ sung sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của UBTWQH về nguyên tắc, tiêu chí phân chia số thu thuế GTGT cho từng địa phương, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến để hoàn thiện; đồng thời cho phép Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP Phạm Minh Chính (để b/cáo);
- Phó TTgCP Hồ Đức Phớc (để b/cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, NSNN (b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Nghị quyết số: /2026/UBTVQH16

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng
cho từng địa phương

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014, đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo các Luật số 65/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 tháng 2020 và Luật số 62/2025/QH15 ngày 17 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số .../TTr-CP ngày tháng năm 2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia 30% thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng cho từng địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Số thuế giá trị gia tăng dùng để phân chia không bao gồm: Số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng; số thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; số thuế giá trị gia tăng thu từ các nhà cung cấp nước ngoài; số thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là các địa phương).

2. Cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác liên quan ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân chia

1. Việc phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương phải tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Phân chia cho từng địa phương trong phạm vi 30% tổng số thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này (sau đây gọi tắt là tổng số thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng).

3. Đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất, tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tạo sự chủ động cho các cấp chính quyền địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí, định mức phân chia cho từng địa phương phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân chia

1. Các tiêu chí, định mức phân chia cho từng địa phương dựa trên mức độ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu tiêu dùng cuối cùng sử dụng hàng hóa, dịch vụ của từng địa phương; đồng thời, phân bổ tăng nguồn lực cho các địa phương có mật độ dân số thấp, diện tích rộng; bảo đảm tính ổn định lâu dài.

2. Tiêu chí dân số: Dân số đến 01 triệu người được 60 điểm; từ 01 triệu người đến 02 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,05 điểm; từ 02 triệu người đến 03 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,04 điểm, trên 03 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,03 điểm.

3. Tiêu chí diện tích tự nhiên: Dưới 3.000 km² được 15 điểm; từ 3.000 km² đến 5.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,03 điểm; từ 5.000 km² đến

10.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,02 điểm; trên 10.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,01 điểm.

4. Tiêu chí GRDP bình quân đầu người: Dưới 50 triệu đồng/người được 25 điểm; từ 50 triệu đồng/người đến 100 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 2 điểm; từ 100 triệu đồng/người đến 200 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 1,5 điểm; trên 200 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 0,5 điểm.

5. Cơ sở dữ liệu sử dụng làm căn cứ phân chia thuế giá trị gia tăng: Tiêu chí dân số, diện tích tự nhiên và GRDP bình quân đầu người của các địa phương của năm trước năm xây dựng dự toán ngân sách do Cục Thống kê - Bộ Tài chính công bố: Trong đó, số liệu dân số là dân số trung bình năm; số liệu diện tích tự nhiên là số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12; số liệu GRDP bình quân đầu người là số liệu của năm trước năm xây dựng dự toán ngân sách.

6. Phương pháp tính số thuế giá trị gia tăng phân chia cho từng địa phương:

a) Phạm vi xác định tổng số thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng tính theo công thức:

Gọi K là tổng số thu thuế giá trị gia tăng không bao gồm số thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

Gọi A là tổng số thu thuế giá trị gia tăng của cả nước.

Gọi B là số hoàn thuế giá trị gia tăng của cả nước (Tại thời điểm Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước thì lấy theo dự toán số thu thuế giá trị gia tăng được Quốc hội quyết định, còn các thời điểm khác trong năm thì lấy theo số thu thuế giá trị gia tăng thực hiện tại từng thời điểm).

Gọi C là số thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, nhà cung cấp nước ngoài và hoạt động xổ số của cả nước.

$$K = A - B - C$$

b) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của 34 địa phương làm căn cứ để phân chia cho từng địa phương, theo các công thức sau:

- Tổng số điểm của từng địa phương:

+ Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i là X_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí dân số của địa phương thứ i là a_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí diện tích tự nhiên của địa phương thứ i là b_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí GRDP bình quân đầu người của địa phương thứ i là c_i .

$$X_i = a_i + b_i + c_i$$

- Tổng số điểm của 34 địa phương là Y , theo công thức:

$$Y = \sum_i^{34} X_i$$

c) Gọi Z_i là tỷ lệ phân chia thuế giá trị gia tăng cho địa phương thứ i (tỷ lệ này cố định trong năm), theo công thức:

$$Z_i = \frac{X_i}{Y} \times 30\%$$

d) Số thuế giá trị gia tăng phân chia cho từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số thuế giá trị gia tăng phân chia cho địa phương thứ i , theo công thức:

$$V_i = Z_i \times K$$

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Tổ chức và chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng tại Nghị quyết này và tình hình thực tế của địa phương để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc phân chia thuế giá trị gia tăng phần được phân chia cho địa phương giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng kể từ khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

Điều 7. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương

(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UVTVQH) quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho từng địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị quyết). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích rà soát:

Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Nghị quyết với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các định hướng lớn của Đảng về quản lý ngân sách nhà nước (NSNN). Đồng thời, việc rà soát góp phần xác định rõ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cho việc xây dựng luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của dự thảo Nghị quyết.

b) Yêu cầu rà soát:

- Việc rà soát được thực hiện một cách toàn diện, khách quan, kỹ lưỡng và có

hệ thống đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp, Luật NSNN số 89/2025/QH15, pháp lệnh có liên quan, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có nội dung liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Kế thừa các nội dung đã được thực tế chứng minh phù hợp; sửa đổi, bổ sung các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp hoặc thiếu quy định, từ đó làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết.

- Đảm bảo gắn với thực tiễn tổ chức thực hiện các quy định hiện hành, bảo đảm phản ánh đúng thực trạng, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, từ đó làm cơ sở cho việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định phù hợp.

- Đảm bảo sự quản lý của Trung ương, tăng cường phân cấp, phân quyền. Bảo đảm tính hợp lý, khả thi, phân định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Phạm vi rà soát:

Thực hiện rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến các quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương tại dự thảo Nghị quyết.

b) Nội dung rà soát: Các nội dung tại dự thảo Nghị quyết bao gồm 07 Điều:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2: Đối tượng áp dụng.
- Điều 3: Nguyên tắc phân chia thuế GTGT cho từng địa phương.
- Điều 4: Tiêu chí, định mức phân chia thuế GTGT cho từng địa phương.
- Điều 5: Tổ chức thực hiện.
- Điều 6: Hiệu lực thi hành.
- Điều 7. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

c) Đối tượng rà soát:

- Các chủ trương, đường lối của Đảng.
- Các văn bản quy phạm pháp luật (Luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị định, Thông tư...).
- Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến nội dung trong dự thảo Nghị quyết

- Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng: *“Đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương”*¹.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, yêu cầu *“Rà soát phân cấp NSNN - địa phương theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương”*, đề ra mục tiêu thu ngân sách trung ương (NSTW) chiếm 60-65% tổng thu NSNN (NSNN).

- Kết luận số 93/KL-TW ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của ngân sách địa phương (NSDP); trong đó, Bộ Chính trị đã nhất trí với các nội dung tại Đề án *“đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương”*; theo đó, thay đổi căn bản phương thức phân chia các sắc thuế để đảm bảo mục tiêu thu NSTW chiếm 60-65% tổng thu NSNN. Bộ Chính trị đã đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; trong đó, đã quy định việc sáp nhập các bộ, ban ngành trung ương; sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính chính cấp xã.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền, lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

Qua việc rà soát, đánh giá từng điều khoản cụ thể trong dự thảo Nghị quyết với các chủ trương, đường lối của Đảng cho thấy về cơ bản các nội dung của dự thảo Nghị quyết đã phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật

¹ Trang 225 và 226 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập I.

Qua rà soát, ngoài Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 203/2025/QH15, đã xác định các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như sau:

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13, được sửa đổi bổ sung một số điều theo các Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2055/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

3. Các điều ước quốc tế

Không có.

4. Phụ lục

Không có.

Trên đây là Báo cáo của Bộ Tài chính về kết quả thực hiện rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo thảo Nghị quyết của UBTVQH quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá GTGT phân cho từng địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp)
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, NSNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO**Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương**
(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho từng địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị quyết). Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**1. Bối cảnh liên quan đến dự thảo Nghị quyết**

- Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng: “Đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương”¹.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, yêu cầu “Rà soát phân cấp NSNN - địa phương theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương”, đề ra mục tiêu thu ngân sách trung ương (NSTW) chiếm 60-65% tổng thu NSNN (NSNN).

¹ Trang 225 và 226 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập I.

- Kết luận số 93/KL-TW ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của ngân sách địa phương (NSDP); trong đó, Bộ Chính trị đã nhất trí với các nội dung tại Đề án “*đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương*” về việc thực hiện đổi mới phương thức phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; trong đó, đã quy định việc sáp nhập các bộ, ban ngành trung ương; sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính chính cấp xã.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền, lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

2. Quá trình thực hiện đánh giá thực trạng

- Thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, khi xây dựng Đề án “*đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương*”, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định việc đổi mới cơ chế phân cấp nguồn thu giữa NSTW và NSDP, trong đó có việc đổi mới cơ chế phân chia thuế GTGT cho các địa phương; tại Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về đề án này, Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với các nội dung tại Đề án.

- Trên cơ sở đó, các nội dung của Đề án đã được quy phạm hóa tại Luật NSNN số 89/2025/QH15; tại Điểm 2, khoản 2 Điều 36 (các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) quy định: “*Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.*”

- Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của UBTVQH: Tại Phụ lục phân công cơ quan trình, cơ quan thẩm tra, dự kiến tiến độ trình các dự án Luật, pháp lệnh, nghị quyết trong chương trình lập pháp phân công năm 2026 giao Chính phủ trình UBTVQH xem xét, thông qua Nghị quyết của UBTVQH về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương trong năm 2026.

- Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ: Tại Phụ lục phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026 giao Bộ Tài chính trình Chính phủ Nghị quyết của UBTVQH về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương trong tháng 03/2026 để trình UBTVQH trong tháng 05/2026.

- Thực hiện chỉ đạo tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu trên, căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và Cổng Pháp luật quốc gia lấy ý kiến đóng góp của tổ chức, cá nhân.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Thực trạng các quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết

1.1. Về việc phân cấp số thu thuế GTGT theo quy định pháp luật hiện hành:

Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu là khoản thu NSTW hưởng 100%; thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất, dịch vụ trong nước là khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng địa phương do Quốc hội quyết định, không thay đổi trong suốt thời kỳ ổn định ngân sách. Sau gần 8 năm thực hiện Luật NSNN năm 2015 đã đạt được kết quả tích cực:

Cơ chế phân chia nguồn thu thuế GTGT gắn với nơi sản xuất hàng hóa, dịch vụ, cùng với việc phân chia các khoản thu khác (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập cá nhân) đã bước đầu tạo điều kiện cho các địa phương tự cân đối nguồn thu tại chỗ, giảm phần phải hỗ trợ từ NSTW (Đến năm 2025 có 6/34 địa phương đã tự cân đối được ngân sách); thuế GTGT thu từ hàng nhập khẩu NSTW hưởng 100% đã đóng góp một phần giúp NSTW giữ vai trò chủ đạo và có nguồn thu để thực hiện hoàn thuế GTGT theo quy định. Một số địa phương nơi các doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoặc có cơ sở sản xuất, cơ sở thu thuế GTGT lớn đã thực hiện điều tiết thuế GTGT về NSTW, qua đó cho phép Trung ương có thêm nguồn lực để hỗ trợ các địa phương khó khăn thông qua các khoản bổ sung cân đối hoặc bổ sung có mục tiêu từ NSTW. Cơ chế phân cấp, phân chia nguồn thu ngân sách đã được quy định trong Luật NSNN số 83/2015/QH13, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của UBTVQH thời gian vừa qua, từng bước nâng cao tính công khai, minh bạch, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc: Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất, dịch vụ trong nước là một trong những khoản thu lớn trong tổng thu NSNN (năm 2024 khoảng 316 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,4% tổng thu NSNN; thực hiện năm 2025 khoảng 404 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,3% tổng thu NSNN)

và là khoản thu phân chia, nhưng chỉ có 18/63 địa phương² (trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) và 6/34 địa phương³ (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) có phân chia một phần số thu này với NSTW, các địa phương còn lại hưởng 100% số thu, trong khi NSTW đảm bảo toàn bộ nhu cầu chi hoàn thuế GTGT (giai đoạn 2021-2025, số hoàn thuế GTGT chiếm khoảng 25,7% tổng số thu thuế GTGT, NSTW chi hoàn thuế GTGT trung bình khoảng 160 nghìn tỷ đồng/năm).

Việc phân chia thuế GTGT cho các địa phương căn cứ vào nơi sản xuất là chưa phù hợp do thuế GTGT là thuế gián thu, người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cuối cùng chịu thuế GTGT, nên việc phân chia thuế GTGT phải gắn với sức mua của người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cuối cùng. Nếu tiếp tục phân chia thuế GTGT như quy định hiện hành thì nguồn thu thuế GTGT chủ yếu tập trung vào các tỉnh, thành phố nơi các doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoặc có cơ sở sản xuất lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, trong khi các tỉnh miền núi, Tây Nguyên, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn gần như không có cơ sở sản xuất kinh doanh lớn nên nguồn thu từ thuế GTGT không lớn, trong khi đó người dân tại các địa phương này vẫn tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ do các địa phương khác sản xuất, cung cấp; đồng thời phân chia tổng số thu thuế GTGT giữa NSTW và NSDP (bao gồm cả số hoàn thuế) là chưa phù hợp như đã nêu trên. Việc này sẽ làm gia tăng sự chênh lệch phát triển vùng miền.

Như vậy, cần thiết phải đổi mới cơ chế phân cấp nguồn thu giữa ngân sách các cấp, trong đó có thuế GTGT.

1.2. Về xu hướng quốc tế trong việc phân cấp số thu thuế GTGT

Tại hầu hết các quốc gia trên thế giới đều phân chia số thu ròng (sau khi hoàn thuế) từ thuế GTGT đối với các địa phương thay vì phân chia căn cứ vào nơi sản xuất/gốc. Theo đó, các quốc gia này tập trung số thu từ thuế GTGT về trung ương và phân phối lại thuế GTGT ròng (sau hoàn thuế) cho các tỉnh theo phương pháp dựa vào công thức phân chia, ... căn cứ vào dân số của các tỉnh, GDP và/hoặc tiêu dùng trên đầu người, cụ thể:

- Nhật Bản: Phân chia cho các địa phương 29,5% số thu ròng (sau khi hoàn thuế) từ thuế GTGT và phân chia theo chiều ngang trên cơ sở tỷ lệ tiêu dùng của từng địa phương trên tổng tiêu dùng.

- Hàn Quốc: Phân chia cho các địa phương 13,27% tổng thu từ thuế của quốc gia, bao gồm số thu ròng (sau khi hoàn thuế) từ thuế GTGT.

² Tỷ lệ điều tiết phần NSDP được hưởng theo phân cấp: Thái Nguyên 96%; Hà Nội 32%; Hải Phòng 76%; Quảng Ninh 51%; Hải Dương 98%; Hưng Yên 98%; Vĩnh Phúc 66%; Bắc Ninh 71%; Ninh Bình 89%; Đà Nẵng 83%; Quảng Nam 82%; Quảng Ngãi 93%; Khánh Hòa 90%; TP. Hồ Chí Minh 21%; Đồng Nai 50%; Bình Dương 33%; Bà Rịa – Vũng Tàu 52%; Long An 95%.

³ Tỷ lệ điều tiết phần NSDP được hưởng theo phân cấp: Hà Nội 32%; Hải Phòng 84%; Quảng Ninh 51%; Đà Nẵng 83%; Đồng Nai 59%; TP. Hồ Chí Minh 25%.

- Trung Quốc: Phân chia cho các địa phương theo tỷ lệ 25% (trước năm 2012), sau đó nâng dần lên mức 26% năm 2012, 29% năm 2013, 32% năm 2014, 33% năm 2015 và 46% từ năm 2016 trở lại đây.

- Đức: Phân chia 49,5% số thu ròng (sau khi hoàn thuế) thuế GTGT cho các địa phương, tỷ lệ cụ thể cho từng địa phương căn cứ theo tiêu chí dân số.

Căn cứ các nội dung nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của UBTVQH về các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương là cần thiết và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Thực trạng pháp luật có liên quan đến quan hệ xã hội

- Quy định tại điểm 2, khoản 2 Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15 (các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương): *“Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định”*.

- Bên cạnh việc xây dựng Nghị quyết của UBTVQH về các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương; thực hiện quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15; phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025, Bộ Tài chính cũng đang chủ trì, xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi NSNN. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi NSNN cùng với việc phân chia thuế GTGT sẽ là cơ sở để xây dựng dự toán NSNN hàng năm.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ tình hình trên, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải báo cáo Chính phủ trình UBTVQH ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế GTGT cho từng địa phương./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Lưu: VT, Vụ NSNN (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi